



Ký bởi: Tỉnh ủy Ninh Thuận
Cơ quan: Tỉnh ủy Ninh Thuận
Thời gian ký: 25/01/2022

TỈNH ỦY NINH THUẬN

*
Số 19-NQ/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Ninh Thuận, ngày 25 tháng 01 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XIV
về phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

I- Khái quát tình hình

Sau hơn 05 năm thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 01/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; được sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương, sự quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy đảng, chính quyền cùng với sự nỗ lực vươn lên của đồng bào các dân tộc miền núi, kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Ninh Thuận đạt được nhiều kết quả hết sức quan trọng. Kết cấu hạ tầng kinh tế kỹ thuật được quan tâm đầu tư đồng bộ, đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào được nâng lên, tỷ lệ hộ nghèo giảm; chương trình xây dựng nông thôn mới đạt kết quả quan trọng bước đầu; công tác giáo dục, đào tạo và dạy nghề ở vùng đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi được quan tâm triển khai thực hiện; chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng; công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp của đồng bào các dân tộc thiểu số đạt được kết quả rõ nét; quốc phòng-an ninh được củng cố và tăng cường, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được vẫn còn một số hạn chế đó là:

Ở vùng miền núi sản xuất hàng hóa, dịch vụ chậm phát triển so với yêu cầu, thu hút đầu tư còn nhiều khó khăn; kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng nhu cầu; tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo, tái nghèo còn cao; văn hóa, xã hội đã được quan tâm thực hiện nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, nhất là giáo dục và đào tạo; khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội của người dân trong vùng còn thấp; hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan ở một số nơi chậm được khắc phục; an ninh trật tự còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp; công tác chăm sóc sức khỏe có chuyển biến tích cực nhưng chưa đáp ứng yêu cầu; công tác quản lý, bảo vệ rừng tuy có chuyển biến, nhưng tình trạng khai thác, vận chuyển, chế biến lâm sản trái phép vẫn còn xảy ra.

Nguyên nhân của những hạn chế: Ngoài các nguyên nhân khách quan về xuất phát điểm về kinh tế thấp; các điều kiện tự nhiên, địa hình và điều kiện tạo sinh kế cho người dân không thuận lợi, cần nhấn mạnh các nguyên nhân chủ quan, đó là:

- Công tác dân vận vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa được quan tâm thực hiện có hiệu quả; một số chính sách còn chông chéo, các nguồn lực hạn chế, bất cập; công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của một số cấp ủy, chính quyền và hệ thống chính trị chưa chủ động, hiệu quả chưa cao; sự phối hợp giữa các cấp, các ngành có việc chưa chặt chẽ.

- Đội ngũ cán bộ ở cơ sở còn thiếu và yếu, chưa đáp ứng yêu cầu giai đoạn hiện nay, nhất là việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên là đồng bào dân tộc thiểu số. Một bộ phận đồng bào dân tộc miền núi vẫn còn có tâm lý bằng lòng với hiện tại, thiếu ý chí phấn đấu vươn lên; còn tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước.

II- Quan điểm, mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

1. Quan điểm: Phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặt trong tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, xác định đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng và thường xuyên của cả hệ thống chính trị. Đầu tư phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là đầu tư cho phát triển bền vững, gắn với giải quyết tốt vấn đề an sinh xã hội, nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực nhất là cán bộ dân tộc thiểu số, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới; cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc và giảm nghèo bền vững, góp phần quan trọng thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

2. Mục tiêu: Phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo hướng bền vững, gắn phát triển kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, đa dạng sinh học; nâng cao thu nhập cho người dân. Tạo sự chuyển biến căn bản về phát triển kinh tế-xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, xây dựng nếp sống văn minh, xóa bỏ các tập quán lạc hậu. Củng cố vững chắc quốc phòng-an ninh, trật tự an toàn xã hội; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Đồng thời từng bước thu hẹp khoảng cách với các vùng khác trên địa bàn tỉnh; phát triển lấy con người làm trung tâm, nâng cao đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3. Một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025

a. Về kinh tế: Tiếp tục củng cố các mô hình kinh tế tập thể, chú trọng phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác gắn với doanh nghiệp sản xuất-chế biến tiêu thụ sản phẩm cả về quy mô, chất lượng hoạt động; phấn đấu trong 5 năm tới mỗi huyện thành lập mới ít nhất 01 đơn vị hợp tác xã sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tổng hợp tại xã có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống; mỗi xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thành lập mới ít nhất 02 tổ hợp tác. Đến năm 2025, giảm

hợp tại xã có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống; mỗi xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thành lập mới ít nhất 02 tổ hợp tác. Đến năm 2025, giảm 50% xã, thôn đặc biệt khó khăn; thu nhập bình quân đầu người tăng 2 lần so với năm 2020; giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân trên 3%/năm.

b. Về xã hội:

- *Hạ tầng thiết yếu:* 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 70% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa; 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố.

- *Y tế, giáo dục, tiếp cận truyền thông:* Củng cố, phát triển mạng lưới y tế để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại; 98% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế. Trên 80% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 15%; tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 98 %, học sinh trong độ tuổi học tiểu học đến trường đạt 97 %, trung học cơ sở 95%, trung học phổ thông 60%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông 90%; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

- *Đào tạo nghề, giải quyết việc làm:* Có 50% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số; giải quyết việc làm trên 18.000 người.

- Bảo tồn và phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của đồng bào các dân tộc; 80% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

- *Về ổn định dân cư:* Hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư; sắp xếp, bố trí, ổn định 90% hộ di cư không theo quy hoạch; quy hoạch sắp xếp, di dời định cư 60% số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở; giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào.

c. Môi trường: Đến năm 2025 phân đấu số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp đạt 99%; tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 98%; tỷ lệ che phủ rừng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt 77%.

Định hướng mục tiêu đến năm 2030:

- Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của cả tỉnh; giảm hộ nghèo xuống dưới 10%. Cơ bản không còn các xã, thôn đặc biệt khó khăn; 70% số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt chuẩn nông thôn mới.

- Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hằng năm thu hút ít nhất 3% lao động sang làm các ngành, nghề: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đến 2030 có 40% lao động người dân tộc thiểu

số biết làm các ngành, nghề: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ; phần đầu có 80% số hộ nông dân người dân tộc thiểu số làm kinh tế nông-lâm nghiệp hàng hóa.

- Xóa tình trạng nhà ở tạm, dột nát; ngăn chặn tình trạng suy thoái môi trường sinh thái; duy trì 77% tỷ lệ che phủ rừng; giải quyết căn bản tình trạng di cư không theo kế hoạch trong đồng bào dân tộc thiểu số. Quy hoạch sắp xếp, di dời, bố trí 100% hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở.

- Trên 85% số xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội và đời sống của người dân.

- Cơ bản hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra trong mục tiêu quốc gia về phát triển bền vững đến năm 2030.

III- Các nhiệm vụ trọng tâm

1. Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; bố trí, sắp xếp ổn định dân cư

Tập trung rà soát, quy hoạch quỹ đất ở, đất sản xuất; xây dựng các điểm định canh định cư tập trung; sắp xếp, bố trí, ổn định hộ ở khu vực khó phát triển kết cấu hạ tầng, ưu tiên thực hiện các dự án định canh định cư ảnh hưởng thiên tai, sạt lở, lũ ống, lũ quét; giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất; nhà ở, nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho đối tượng là hộ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ dân tộc thiểu số nghèo chưa có đất ở; chưa có đất sản xuất theo định mức tối thiểu; chưa có nhà ở hoặc đang ở nhà tạm, dột nát, hư hỏng.

2. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

a. Về sản xuất nông nghiệp:

Tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất gắn với thị trường; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính gắn với chế biến và tiêu thụ để nâng cao giá trị sản phẩm và sức cạnh tranh. Có cơ chế, chính sách thu hút các doanh nghiệp đầu tư trang trại sản xuất, chăn nuôi trên địa bàn ứng dụng công nghệ cao, hình thành mỗi huyện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có ít nhất 1 dự án nông nghiệp công nghệ cao làm hạt nhân, tác động lan tỏa trong ứng dụng khoa học công nghệ và tiêu thụ sản phẩm cho nhân dân. Chú trọng đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn.

b. Lâm nghiệp: Đẩy mạnh công tác trồng rừng, khoán bảo vệ rừng gắn với phát triển mô hình sinh kế chăn nuôi, sản xuất dưới tán rừng; xác định nhiệm vụ phát triển ngành lâm nghiệp vùng miền núi có ý nghĩa hết sức quan trọng, vừa phát huy hiệu quả kinh tế rừng, vừa đảm bảo cân bằng sinh thái trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt.

3. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch và thương mại

Tiếp tục triển khai hoàn thiện các Cụm công nghiệp Quảng Sơn, Hiếu Thiện, Phước Tiến để tạo thuận lợi trong việc kêu gọi các dự án thứ cấp đầu tư tại các cụm công nghiệp địa bàn huyện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hoàn thành và khai thác hiệu quả các dự án năng lượng tái tạo, (điện gió, điện mặt trời...), dự án thủy điện tích năng Bác Ái, ngành công nghiệp khai khoáng và sản xuất vật liệu xây dựng; phát triển các làng nghề tiểu thủ công nghiệp trên cơ sở các ngành nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch miền núi theo hướng du lịch sinh thái, du lịch khám phá, du lịch cộng đồng, tìm hiểu về văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm tạo thêm việc làm, tăng thu nhập của người dân. Thực hiện hiệu quả chủ trương đưa hàng Việt về nông thôn, miền núi; mở rộng các kênh phân phối hàng hóa, cung cấp hàng hóa thiết yếu và thu mua, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của người dân.

4. Tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Tập trung huy động, lồng ghép các chương trình, dự án đầu tư hạ tầng thiết yếu theo hướng đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển, đồng thời tăng cường quản lý, phát huy hiệu quả sử dụng các công trình, dự án đầu tư trên địa bàn. Ưu tiên đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu, tập trung phát triển mạng lưới giao thông tạo kết nối giữa các tuyến Quốc lộ 1A, Quốc lộ 27, Quốc lộ 27B với đường tỉnh, huyện, xã, kết nối các vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh với khu vực miền núi; nâng cấp, hoàn thiện mạng lưới giao thông liên xã, liên thôn, giao thông nội đồng, giao thông đến các khu sản xuất, các trang trại tập trung gắn với xây dựng nông thôn mới, đảm bảo lưu thông thông suốt trong mọi điều kiện thời tiết. Tập trung đầu tư xây dựng hệ thống hồ, kênh tưới nước, nâng cấp, kiên cố hóa hệ thống thủy lợi nhỏ và vừa phù hợp đặc điểm địa hình của vùng miền núi và hạ tầng về giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa xã hội, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện về kinh tế-xã hội trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

5. Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 52/NQ-CP, ngày 15/9/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; huy động mọi nguồn lực thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện về thể lực, trí lực và tác phong, kỷ luật, kỹ năng nghề nghiệp nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh, nhu cầu thị trường lao động; xây dựng đội ngũ trí thức, doanh nhân, cán bộ người dân tộc thiểu số và lao động trực tiếp có chất lượng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, giảm nghèo bền vững, bảo đảm an sinh xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục duy trì hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh, huyện nhằm thực hiện chính sách giáo dục, tạo nguồn đào tạo cán bộ và phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

6. Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Tập trung đổi mới, tạo chuyển biến căn bản về chất lượng, hiệu quả giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế. Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả các chính sách, chương trình dự án phát triển đào tạo nghề, đặc biệt là dạy nghề cho bộ đội, công an xuất ngũ, dạy nghề cho lao động nông thôn, lao động tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các đối tượng chính sách gắn với nhiệm vụ giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động, thúc đẩy chuyển dịch việc làm khu vực nông thôn theo hướng phi nông nghiệp.

7. Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

Chú trọng công tác tuyên truyền, vận động đi đôi với việc xây dựng mô hình mẫu trong thực hiện thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em; nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế-xã hội của cộng đồng; thực hiện hiệu quả Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống” giai đoạn 2021-2025 và tiến tới không còn tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi sau năm 2025.

8. Đa dạng về hình thức truyền thông; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ người có uy tín và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, tạo sự thống nhất về nhận thức tư tưởng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của nhà nước trong cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; kịp thời biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; từng bước ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

IV- Các giải pháp chủ yếu

1. Tăng cường quán triệt, triển khai kịp thời, đầy đủ đến cán bộ, công chức, đảng viên và đặc biệt là người dân về các chủ trương, đường lối, Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận giữa chính quyền và người dân để đưa các chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước đến với người dân hiệu quả, thiết thực.

Tăng cường và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, vận động để nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đồng thuận với chủ trương xây

dựng các dự án phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn; nâng cao nhận thức “Tự thân vận động, tự mình vươn lên”, mạnh dạn tiếp thu tiến bộ của khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chăn nuôi. Xây dựng và nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế có hiệu quả; chuyển đổi cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện đất đai, thời tiết và biến đổi khí hậu tại địa phương; vận động, giới thiệu lao động địa phương tham gia làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước; biết tích lũy tái sản xuất để vươn lên thoát nghèo bền vững, xây dựng cuộc sống văn minh, gia đình hạnh phúc.

2. Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách, các chương trình mục tiêu của Trung ương đối với khu vực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và MN; tiếp tục hoàn thiện, xây dựng chính sách phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo hướng toàn diện, bền vững, phù hợp với yêu cầu phát triển; giúp các địa phương nhanh chóng tiếp cận, quản lý và sử dụng các nguồn lực đầu tư có hiệu quả; phát huy tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3. Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá, phù hợp điều kiện của từng địa phương, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống. Phát triển các vùng chuyên canh cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao đi đôi với quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường sinh thái. Chú trọng phát triển du lịch sinh thái, gắn với giữ gìn, phát huy giá trị văn hoá các dân tộc thiểu số. Ưu tiên nguồn lực nhà nước để đầu tư kết cấu hạ tầng theo hướng kiên cố, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai. Bảo đảm các hộ gia đình được sử dụng điện lưới quốc gia, dịch vụ phát thanh, truyền hình, viễn thông, công nghệ thông tin, phục vụ sản xuất và sinh hoạt

4. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực:

Tập trung huy động, quản lý, lồng ghép và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh, mở rộng vốn tín dụng ưu đãi và các nguồn hỗ trợ khác để bảo đảm tập trung nguồn lực cho đầu tư phát triển, nhất là nguồn lực đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia; vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn Trái phiếu Chính phủ, vốn chương trình hỗ trợ có mục tiêu và các nguồn vốn hỗ trợ ODA, NGO để từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội các huyện, xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh; triển khai lồng ghép để thực hiện các dự án sản xuất bền vững gắn kết hợp du lịch, văn hóa, giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

5. Quy hoạch xây dựng phát triển các khu dân cư tập trung, các điểm dân cư xen ghép, rà soát lại quỹ đất, bố trí sắp xếp lại dân cư; rà soát quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch rừng của từng huyện, xã để thuận lợi trong giao đất, bố trí đất sản xuất, giao rừng cho nhân dân phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế và phát triển theo mô hình nông thôn mới phù hợp với điều kiện thực tế từng địa phương.

6. Tập trung nâng cao dân trí, nâng cao chất lượng giáo dục-đào tạo và chất lượng dân số; nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực đội ngũ cán bộ

xã, thôn nhất là cán bộ trẻ, xem đây là động lực quan trọng cho phát triển. Rà soát, đổi mới nâng cao chất lượng giáo dục của các trường nội trú, bán trú, công tác đào tạo nghề, phát triển những ngành nghề đào tạo phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương và yêu cầu của thị trường lao động;

7. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý điều hành của chính quyền các cấp, nhất là năng lực chỉ đạo, quản lý, điều hành phát triển kinh tế của chính quyền địa phương cơ sở gắn với xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ cơ sở, đặc biệt là năng lực triển khai thực hiện các chính sách phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các chính sách, chương trình, đề án giảm nghèo, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội nhanh, bền vững. Xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để phục vụ công tác dự báo, hoạch định, quản lý thực hiện chính sách dân tộc. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc.

8. Tăng cường đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, nhất là phát huy vai trò giám sát, phản biện trong thực hiện chính sách dân tộc, chương trình, dự án phát triển kinh tế-xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát huy nội lực, giá trị văn hóa truyền thống, khơi dậy tinh thần tương thân, tương ái, xóa bỏ hủ tục, tập quán lạc hậu trong hội viên, đoàn viên và đồng bào dân tộc thiểu số để phấn đấu cùng Nhân dân toàn tỉnh xây dựng quê hương Ninh Thuận ngày càng phát triển.

9. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Đề án nhằm đảm bảo hoạt động hỗ trợ, đầu tư có hiệu quả, đúng mục tiêu, đúng định hướng phát triển kinh tế-xã hội, đúng pháp luật. Giúp các ngành, địa phương kịp thời giải quyết những vấn đề khó khăn, vướng mắc, hạn chế những sai phạm, tiêu cực, lãng phí trong quá trình thực hiện.

V- Tổ chức thực hiện.

1. Các đảng đoàn, ban cán sự đảng và các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy có trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức quán triệt các nội dung đề ra trong nghị quyết nhằm tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, sâu sắc cả về nhận thức và hành động trong hệ thống chính trị, các tầng lớp Nhân dân đối với việc phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát, bổ sung ban hành các cơ chế, chính sách theo thẩm quyền; tăng cường công tác giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền trong hoạt động các cơ quan, đơn vị thuộc Hội đồng nhân dân.

3. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; bố trí nguồn lực phù hợp để tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đề án đã đề ra. Chủ trì chủ trì, phối hợp với các Ban xây dựng Đảng hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện; định kỳ hàng năm có báo cáo đánh giá kết quả và kịp thời đề xuất giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng trong quá trình tổ chức thực hiện.

4. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể chính trị-xã hội tỉnh xây dựng kế hoạch quán triệt, tuyên truyền nâng cao nhận thức của đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; nhất là tuyên truyền, vận động phát huy truyền thống cách mạng, khơi dậy tinh thần tự hào, ý thức vượt khó, tự nỗ lực vươn lên của đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

5. Ban Dân vận Tỉnh ủy phối hợp với các sở, ngành, địa phương triển khai Kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 16/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIII về "Nâng cao hiệu quả công tác dân vận vùng đồng bào dân tộc miền núi, giai đoạn 2016-2020" nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức về công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc miền núi.

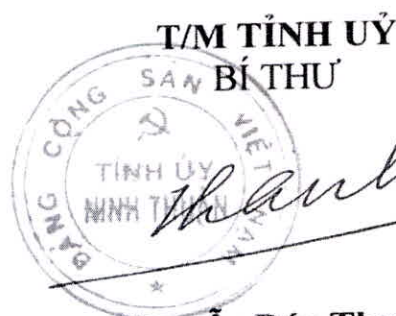
6. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch học tập, quán triệt, chủ trì phối hợp các cơ quan chức năng định hướng cơ quan thông tin, truyền thông thường xuyên tuyên truyền việc triển khai và kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

7. Ban Thường vụ huyện uỷ các huyện và đảng uỷ các xã, thị trấn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chỉ đạo Ủy ban nhân dân cùng cấp xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện thực hiện với những chỉ tiêu, giải pháp cụ thể, phù hợp với thực tiễn của địa phương.

Nghị quyết này phổ biến đến các chi, đảng bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ngành, Mặt trận, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng uỷ,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.



Nguyễn Đức Thanh

